TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 4 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Trọng Kim.
Ông Hà Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 473/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ X, thôn Y, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh T không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị D trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào tháng 5/2013. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hà ngày 23/8/2017, đăng ký kết hôn số 26. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, không quan tâm vợ con, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Ngoài ra, anh T còn xúc phạm và chửi bới cha mẹ chị. Anh chị hiện đang ly thân. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu A1, sinh ngày 27/3/2014 và cháu A2, sinh ngày 29/5/2016. Hiện các cháu đang sống chung với chị. Chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh T:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn T không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị D ly hôn với anh T, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 25/02/2019 của ông S và bà T1 là cha mẹ ruột của anh T, ông S và bà T1 đã trình bày:

- Anh T có hộ khẩu thường trú tại số nhà E, đường F, thôn Y, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án giao qua đường bưu điện thì anh T đã được gia đình thông báo. Tuy nhiên, do anh T bận công việc nên không thể lên Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

- Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T phát sinh là do chị D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác.

- Qua trao đổi ý kiến với anh T thì anh T cũng trình bày là đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D.

- Anh T và chị D có 02 con chung là cháu A1, sinh ngày 27/3/2014 và cháu A2, sinh ngày 29/5/2016. Hiện các cháu đang sống chung với chị D.

Tóa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh T không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị D ly hôn với anh T.

Về con chung, hiện các cháu còn nhỏ và đang sinh sống với chị D nên yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con của chị D là hợp lý cần xem xét giao các cháu cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tại phiên tòa đối với bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 23/8/2017, đăng ký kết hôn số 26. Đây là hôn nhân hợp

pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị D đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của các đương sự thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do các bên không đồng cảm, quan tâm chia sẽ với nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Chị D cho rằng anh T là người ham mê cờ bạc, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Qua trình bày của cha mẹ anh T cho rằng chị D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nay, anh T không còn tình cảm với chị D, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh T đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng anh đều vắng mặt, chứng tỏ anh T không có ý định muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, bỏ mặc cho chị D muốn làm gì thì làm. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị D ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là A1, sinh ngày 27/3/2014 và A2, sinh ngày 29/5/2016. Xét thấy các cháu còn nhỏ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, mặt khác từ khi ly thân tới nay, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Do đó, xem xét giao cháu A1 và cháu A2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không phải xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí:

Buộc chị D là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D.

1. Về hôn nhân: Chị D ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A1, sinh ngày 27/3/2014 và cháu A2, sinh ngày 29/5/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024985 ngày 10 tháng 12 năm 2018. Chị D đã nộp đủ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/4/2019). Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- C.C. Thi hành án dân sự Huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Qúy